

Số: /2026/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ**Hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu**

Căn cứ Nghị quyết số 262/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Trạm Y tế cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế cấp xã sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 3. Hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế cấp xã

1. Danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế cấp xã được hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nguyên tắc áp dụng danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế cấp xã

a) Căn cứ vào danh mục máy móc, thiết bị cơ bản quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định danh mục máy móc, thiết bị cụ thể cho từng Trạm Y tế cấp xã đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, hoạt động chuyên môn, điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tình hình thực tế;

b) Đối với máy móc, thiết bị chưa có trong danh mục máy móc, thiết bị cơ bản quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định bổ sung cho từng Trạm Y tế cấp xã đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, hoạt động chuyên môn, điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tình hình thực tế;

c) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế cấp xã được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và Thông tư số 10/2026/TT-BYT quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Việc xác định danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế cấp xã phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 28/2020/TT-BYT quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của Trạm Y tế tuyến xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng các đơn vị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện Thông tư này tại địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, HTTB, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CƠ BẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG
CHUYÊN MÔN CỦA TRẠM Y TẾ CẤP XÃ

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BYT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên máy móc, thiết bị*	Đơn vị tính
I	Nhóm thiết bị lĩnh vực y, dược cổ truyền	
1	Ấm sắc thuốc	Cái
2	Bàn chia vị thuốc cổ truyền	Cái
3	Bộ giác hơi	Bộ
4	Cân chia thuốc	Cái
5	Chậu ngâm thuốc cổ truyền	Cái
6	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái
7	Hệ thống sắc thuốc, đóng túi tự động	Hệ thống
8	Laser châm	Cái
9	Máy điện châm	Máy
10	Máy điện châm không kim	Máy
11	Máy ngâm thuốc cổ truyền	Máy
12	Máy sắc thuốc	Máy
13	Máy xông hơi thuốc cổ truyền bộ phận	Máy
14	Ống chụp mặt xông hơi thuốc	Cái
15	Tủ, giá, kệ đựng vị thuốc cổ truyền	Cái
16	Túi đựng thuốc xông	Cái
17	Xe đẩy vận chuyển vị thuốc cổ truyền	Cái
II	Nhóm thiết bị lĩnh vực khám, nội khoa tổng quát	
18	Bảng đo thị lực điện tử	Cái
19	Bộ đo nhãn áp	Bộ
20	Bộ dụng cụ khám bệnh	Bộ
21	Bộ dụng cụ lấy dị vật mắt	Bộ
22	Bộ dụng cụ lấy dị vật Tai - Mũi - Họng	Bộ
23	Bộ dụng cụ mổ quặm	Bộ
24	Bộ dụng cụ nhổ răng các loại	Bộ
25	Bộ khám nam khoa	Bộ

STT	Tên máy móc, thiết bị*	Đơn vị tính
26	Bộ khám ngũ quan	Bộ
27	Bộ kính thử thị lực kèm gọng	Bộ
28	Cân sức khỏe điện tử có thước đo chiều cao	Cái
29	Đèn khám bệnh	Cái
30	Đèn khám đặt sàn (đèn gù)	Cái
31	Đèn soi đáy mắt	Cái
32	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống
33	Huyết áp kế	Cái
34	Kẹp lấy dị vật cho người lớn/ trẻ em	Bộ
35	Khoan răng điện	Cái
36	Máy đo đường huyết cá nhân	Máy
37	Máy đo huyết áp tự động	Máy
38	Máy đo khúc xạ tự động	Máy
39	Máy đo thính lực người lớn có ghi kết quả	Máy
40	Máy khí dung	Máy
41	Máy và ghế nha khoa	Bộ
42	Ống nghe	Cái
43	Sinh hiển vi khám mắt	Cái
III	Nhóm thiết bị lĩnh vực sản khoa	
44	Bàn đẻ	Cái
45	Bàn khám sản khoa	Cái
46	Bộ dụng cụ cắt khâu tầng sinh môn	Bộ
47	Bộ dụng cụ cắt/ tháo que cấy tránh thai	Bộ
48	Bộ dụng cụ đặt/ tháo vòng tránh thai	Bộ
49	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ
50	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ
51	Bộ dụng cụ khám thai	Bộ
52	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	Bộ
53	Bộ hút thai chân không bằng tay	Bộ
54	Máy Doppler tim thai	Máy
55	Máy soi cổ tử cung	Máy
56	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy

STT	Tên máy móc, thiết bị*	Đơn vị tính
IV	Nhóm thiết bị lĩnh vực nhi	
57	Bàn chăm sóc sơ sinh	Cái
58	Bộ dụng cụ lấy mẫu máu gót chân cho trẻ sơ sinh để sàng lọc các bệnh bẩm sinh	Bộ
59	Bộ hồi sức trẻ sơ sinh	Bộ
60	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	Cái
61	Cân trẻ sơ sinh	Cái
62	Đèn điều trị vàng da	Cái
63	Giường sưởi ấm trẻ sơ sinh	Cái
64	Máy đo âm ốc tai để sàng lọc khiếm thính	Máy
65	Máy đo thính lực trẻ em có ghi kết quả	Máy
66	Máy hút dịch cho trẻ sơ sinh	Máy
V	Nhóm thiết bị cấp cứu, tiểu phẫu	
67	Bàn bột bó xương	Cái
68	Bàn phẫu thuật (tiểu phẫu)	Cái
69	Bình oxy + Bộ làm ấm có đồng hồ + Mask thở oxy	Bộ
70	Bộ đặt nội khí quản	Bộ
71	Bộ mở khí quản (người lớn/ trẻ em)	Bộ
72	Bộ nẹp chân	Bộ
73	Bộ nẹp cổ	Bộ
74	Bộ nẹp tay	Bộ
75	Bộ tiểu phẫu	Bộ
76	Bơm tiêm điện	Cái
77	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	Cái
78	Cáng tay	Cái
79	Đèn phẫu thuật (tiểu phẫu)	Bộ
80	Giường cấp cứu	Cái
81	Máy cắt đốt cao tần	Máy
82	Máy hút dịch	Máy
83	Máy hút liên tục áp lực thấp	Máy
84	Máy tạo oxy	Máy
85	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 05 thông số	Máy

STT	Tên máy móc, thiết bị*	Đơn vị tính
86	Máy truyền dịch	Máy
87	Vali cấp cứu	Cái
VI	Nhóm thiết bị xét nghiệm, phân tích, chẩn đoán	
88	Kính hiển vi	Cái
89	Máy điện tim	Máy
90	Máy đo độ loãng xương	Máy
91	Máy đo SPO2	Máy
92	Máy ly tâm	Máy
93	Máy phân tích nước tiểu tự động	Máy
94	Máy siêu âm tổng quát	Máy
95	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy
96	Máy xét nghiệm huyết học	Máy
97	Máy xét nghiệm miễn dịch	Máy
98	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy
99	Pipette / Micropipet các loại + giá đỡ	Bộ
100	Thiết bị lấy mẫu bệnh phẩm	Cái
101	Tủ âm vi sinh	Cái
VII	Nhóm thiết bị phục hồi chức năng	
102	Đèn hồng ngoại điều trị	Cái
103	Gậy, nạng	Cái
104	Ghế tập ngồi cho trẻ bại não	Cái
105	Giường phục hồi chức năng	Cái
106	Khung tập đi	Cái
107	Máy điện xung	Máy
108	Máy điều trị điện từ trường	Máy
109	Máy điều trị sóng ngắn	Máy
110	Máy kéo dẫn cột sống	Máy
111	Ròng rọc tập khớp vai	Bộ
VIII	Nhóm thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn	
112	Đèn cực tím	Cái
113	Máy đóng gói dụng cụ tiệt trùng	Máy
114	Máy giặt đồ vải	Máy

STT	Tên máy móc, thiết bị*	Đơn vị tính
115	Máy khử khuẩn không khí	Máy
116	Máy sấy đồ vải	Máy
117	Nồi hấp tiệt trùng	Cái
118	Tủ sấy	Cái
IX	Nhóm máy móc, thiết bị khác	
119	Ấm kê	Cái
120	Bộ bơm định liều Methadone	Bộ
121	Bộ dụng cụ lấy mẫu thực phẩm	Bộ
122	Giá treo dịch truyền	Cái
123	Giường bệnh nhân	Cái
124	Hệ thống lọc nước RO cơ bản	Hệ thống
125	Hòm lạnh bảo quản vắc xin	Cái
126	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Cái
127	Máy đo cường độ ánh sáng	Máy
128	Máy đo độ ẩm	Máy
129	Máy đo độ ồn	Máy
130	Máy đo nhiệt độ môi trường	Máy
131	Máy đo nhiệt độ thực phẩm	Máy
132	Máy hút ẩm	Máy
133	Máy phun hóa chất	Máy
134	Máy phun tồn lưu	Máy
135	Máy phun ULV	Máy
136	Nhiệt kế đo nhiệt độ nước	Cái
137	Nhiệt kế hồng ngoại	Cái
138	Phích lạnh bảo quản vắc xin	Cái
139	Thiết bị bảo quản mẫu lạnh	Cái
140	Thiết bị theo dõi độ ẩm bảo quản thuốc, vắc xin	Cái
141	Thiết bị theo dõi nhiệt độ bảo quản thuốc, vắc xin	Cái
142	Tủ bảo quản vắc xin	Cái
143	Tủ đầu giường	Cái
144	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái
145	Tủ lạnh âm sâu	Cái

STT	Tên máy móc, thiết bị*	Đơn vị tính
146	Tủ lạnh bảo quản thuốc, sinh phẩm có điều kiện bảo quản đặc biệt	Cái
147	Tủ lạnh lưu mẫu	Cái
148	Xe đẩy bệnh nhân	Cái
149	Xe tiêm	Cái
X	Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn và chuyển đổi số	
150	Hạ tầng mạng và kết nối công nghệ thông tin (bao gồm: Router cân bằng tải/ Firewall; Switch mạng; Bộ phát WiFi; Tủ rack; Bộ lưu điện UPS; Hệ thống camera giám sát IP; Thiết bị VPN...)	Bộ
151	Thiết bị máy chủ và lưu trữ (bao gồm: NAS lưu trữ; Ổ cứng backup ngoài...)	Hệ thống
152	Thiết bị đầu cuối phục vụ chuyên môn (bao gồm: Máy tính để bàn; Máy tính xách tay; Máy tính bảng...)	Bộ
153	Thiết bị bảo mật và an toàn thông tin (bao gồm: Firewall; Phần mềm antivirus; Thiết bị backup tự động; Thiết bị xác thực...)	Bộ
154	Thiết bị Telehealth/ Telemedicine (bao gồm: Camera hội nghị; Micro hội nghị đa hướng; Loa hội nghị; Màn hình hội nghị; Bộ codec hội nghị trực tuyến; Máy tính telehealth chuyên dụng ...)	Bộ
155	Thiết bị khác (bao gồm: Máy in laser; Máy in mã vạch/QR; Máy quét mã QR CCCD/BHYT; Đầu đọc thẻ CCCD gắn chip; Máy scan tài liệu tốc độ cao; Chữ ký số USB Token; Webcam; Smart TV...)	Bộ

* **Ghi chú:** Tên máy móc, thiết bị quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này là tên chung theo chức năng, mục đích sử dụng. Khi xây dựng danh mục, các đơn vị căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế để xác định tên cụ thể của máy móc, thiết bị tương ứng. Trường hợp một máy móc, thiết bị có khả năng thực hiện nhiều chức năng chuyên môn thì được thay thế cho các thiết bị riêng lẻ tương ứng.